TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2022/DS-ST
Ngày: 28 - 11 - 2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lý Khắc Chung;
Ông Lê Cao Trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2022/TLST – DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966

Trú tại: ấp Bình Th, xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1987. Trú tại ấp Bình Thạnh, xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang (Xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1974 và bà Lâm Thị Bích L, sinh năm 1977. Cùng trú tại ấp Bình Th, xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước H trình bày: Do quen biết nên ngày 28/5/2022 ông Đ có cho vợ chồng ông Trần Văn Ch và bà Lâm

Thị Bích L vay số tiền 300.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, thoả thuận 30 ngày trả lại, lãi suất 3%/tháng, có làm biên nhận nợ. Đến hạn trả nợ ông Ch, bà L hẹn trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện trả vốn, lãi. Nay ông Đ yêu cầu ông Ch, bà L liên đới trả cho ông Đ số tiền vốn vay 300.000.000đ, yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng từ ngày 28/5/2022 đến khi giải quyết xong vụ án.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Biên nhận nợ ngày 28/5/2022 (phô tô) đã được Toà án đối chiếu bản chính.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với diện tích đất trồng lúa 4033m^2 thuộc thửa đất số 1264, tờ bản đồ 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00624cF do Uỷ ban nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang cấp ngày 17/5/2007 cho ông Trần Văn Ch, sinh năm 1974 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch, bà Lâm Thị Bích L, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông Ch từ chối nhận, bà L vắng mặt nhưng ông Ch là chồng bà L cũng từ chối nhận thay và không có văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đ yêu cầu ông Ch, bà L liên đới trả số tiền vay 300.000.000đ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Ch, bà L thường trú tại xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang. Ông Đ khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Lâm Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai

nhưng vắng mặt không có lý do Chnh đáng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Ông Đ yêu cầu ông Ch, bà L có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay vốn 300.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 28/5/2022 đến khi giải quyết xong vụ án. Xét việc vay tiền giữa các đương sự là thực tế có xảy ra được thể hiện tại Biên nhận nợ ngày 28/5/2022 có chữ ký tên của bà L. Việc vay tiền của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và có làm biên nhận nợ có ký tên và phù hợp với quy định của pháp luật. Nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ vay chưa trả là có cơ sở. Đồng thời, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn từ chối nhận văn bản, vắng mặt và cũng không có ý kiến, không phản đối, đều đó mặc nhiên bị đơn đã thừa nhận trách nhiệm trả nợ của mình, đây là tình tiết không cần phải chứng minh phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu nghĩa vụ liên đới của vợ chồng: Xét, giao dịch vay tại biên nhận nợ do bà L trực tiếp thực hiện và ký biên nhận nợ với nguyên đơn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng giao dịch này được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông Ch và bà L, diễn ra trong một thời gian dài, mục đích vay đáo hạn ngân hàng phục vụ cho nhu cầu làm ăn kinh tế trong gia đình và các nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có cả yêu cầu liên đới vợ chồng nhưng bị đơn từ chối nhận và cũng không có ý kiến phản đối là đã mặc nhiên thừa nhận nghĩa vụ của mình. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần buộc ông Trần Văn Ch có nghĩa vụ liên đới với bà Lâm Thị Bích L trả tiền cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về lãi suất:

Lãi suất thoả thuận trong biên nhận nợ là 3%/tháng, nguyên đơn cho rằng từ khi vay đến nay bị đơn không có trả lãi, bị đơn cũng không có ý kiến về việc trả lãi. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 28/5/2022 đến khi giải quyết xong vụ án. Xét, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Từ khi vay đến nay bị đơn không trả lãi nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất 1,66%/tháng phù hợp với quy định tại khoản

1 Điều 468 của Bộ luật dân sự từ ngày 28/5/2022 đến ngày 28/11/2022 (ngày xét xử), cụ thể:

300.000.000đ x 1,66%/tháng x 06 tháng = 29.880.000đ.

Như vậy, ông Trần Văn Ch và bà Lâm Thị Bích L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 329.880.000đ (trong đó vốn 300.000.000đ, lãi 29.880.000đ tạm tính đến ngày 28/11/2022).

[2.4] Đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" và Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT ngày 07/10/2022 phong tỏa diện tích đất trồng lúa 4033m^2 thuộc thửa đất số 1264, tờ bản đồ 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H00624cF do Uỷ ban nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang cấp ngày 17/5/2007 cho ông Trần Văn Ch, sinh năm 1974 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã Bình Ch, huyện CP, tỉnh An Giang để đảm bảo thi hành án. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là có căn cứ, đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự, đồng thời các đương sự cũng không có ý kiến.

Hủy bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2022/QĐ-BPBĐ ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP, ông Đ được nhận lại số tiền bảo đảm 65.000.000đ đã nộp.

[3] Về án phí: Ông Ch, bà L cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho ông Đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470, của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19 của Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Trần Văn Ch và bà Lâm Thị Bích L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 329.880.000đ (Ba trăm hai mươi Chn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó tiền vốn vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 28/11/2022 là 29.880.000đ (Hai mươi Chn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 10/2022/QĐ-BPKCTT ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ".

Hủy bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2022/QĐ-BPBĐ ngảy 07/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP, ông Nguyễn Văn Đ được nhận lại số tiền bảo đảm 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) đã nộp theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00020756278 do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện CP phát hành ngày 07/10/2022.

Về án phí:

- Ông Trần Văn Ch và bà Lâm Thị Bích L cùng phải chịu 16.494.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm Chn mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Đ số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004836 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ